

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Bà Cao Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 119, tổ dân phố T, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 04, ngõ 82, tổ dân phố T, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo khởi kiện đề ngày 22/5/2023 và bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc K kết hôn với nhau ngày 17/4/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên có được tìm hiểu nhau một thời gian và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị về làm dâu gia đình nhà anh K ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên chơi bời cờ bạc không quan tâm tới vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không cải thiện được. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/3/2018, cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 11/01/2020 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/10/2021. Hiện nay cả 03 cháu vẫn đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Anh K hiện đi làm ăn xa, không có nhà nên chị có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung vì chị làm lao động tự do với mức thu nhập khoảng 20.000.0000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Quốc K* đã được mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Lnhận và giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trong hồ sơ. Việc anh K không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trong hồ sơ là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Tại biên bản làm việc ngày 13/6/2023, bà Đỗ Thị L, sinh năm 1966 là mẹ đẻ anh Nguyễn Quốc K cho biết như sau:*

Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1993, địa chỉ số nhà 04, ngõ 82, tổ dân phố T, phường X, thành phố Bắc Giang. Anh K và chị P kết hôn với nhau ngày 17/4/2017, trước khi kết hôn thì có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2021 thì anh K, chị P phát sinh mâu thuẫn, có nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên cãi vã chửi nhau, không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế. Anh K, chị P sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, chị P đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Về con chung: Anh K, chị P có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/3/2018, cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 11/01/2020 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/10/2021. Nay chị P đề nghị giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh K thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Anh K hiện đang làm việc ngoài Hà Nội, thi thoảng mới về nhà. Anh K đã được bà giao lại thông báo thụ lý vụ án nhưng anh K không có ý kiến gì, anh K đề nghị Tòa án giao lại các văn bản tố tụng cho bà để bà thông báo và giao lại cho anh K.

- *Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2023, ông Hà Văn D, tổ trưởng tổ dân phố Thành Non, phường X cung cấp như nhau:* Chị P và anh K kết hôn vào năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X. Trong quá trình chung sống giữa chị P và anh K có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được rõ nhưng từ khoảng tháng 6/2021 đến nay thì chị P đã về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng chị P anh K đang sống ly thân. Chị P anh K có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2018; Nguyễn Trường A, sinh năm 2020 và Nguyễn Gia B, sinh năm 2021. Hiện nay, anh K đi làm ăn xa thi thoảng mới về gia đình. Chị P xin ly hôn anh K thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quốc K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật còn bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Quốc K.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/3/2018; cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 11/01/2020 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/10/2021 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Quốc K. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn anh Nguyễn Quốc K có nơi cư trú tại phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Quốc K kết hôn với nhau ngày 17/4/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị P đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn bản sao nên quan hệ hôn nhân giữa chị P, anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Anh K đã được mẹ đẻ là bà Đỗ Thị Lgiao và thông báo lại những văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không

có bản tự khai thể hiện ý kiến, không đến Tòa án làm việc. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị P xác định vợ chồng có mâu thuẫn là phù hợp với tài liệu xác minh tại địa P cũng như biên bản làm việc do mẹ đẻ anh K cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn tố tụng cho mẹ đẻ anh K và mẹ đẻ anh K cũng đã giao lại cho anh K để anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, anh K không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đồng thời không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Chị P vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P, anh K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Do vậy, chị P xin ly hôn anh K là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị P, anh K có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/3/2018; cháu Nguyễn Trường A, sinh ngày 11/01/2020 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/10/2021. Ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, anh K không có ý kiến thể hiện quan điểm về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình xác minh tại địa phương thì thấy hiện nay anh K không thường xuyên có mặt ở nhà, việc chăm sóc 03 con chung chủ yếu là do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân 03 cháu N, A, B hiện còn nhỏ. Do vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung thì cần giao cả 03 con chung là cháu N, cháu A, cháu B cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, anh K không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị P không yêu cầu giải quyết, anh K không có ý kiến thể hiện quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Quốc K.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/3/2018, Nguyễn Trường A, sinh ngày 11/01/2020, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/10/2021 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh K không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002309 ngày 25/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên